

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ
Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
1	CNTN2024	24TNT1TN	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N1	T3	1-2.5	cs2:PMD203		1	
2	CNTN2024	24TNT1TN	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N2	T3	3.5-5	cs2:PMD203		1	
3	CQ2024/1	24CTT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMD203		1	
4	CQ2024/1	24CTT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N2	T2	8.5-10	cs2:PMD203		1	
5	CQ2024/2	24CTT2	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N1	T2	1-2.5	cs2:PMD203		1	
6	CQ2024/2	24CTT2	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N2	T2	3.5-5	cs2:PMD203		1	
7	CQ2024/3	24CTT3	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N1	T4	6-7.5	cs2:PMD203		1	
8	CQ2024/3	24CTT3	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N2	T4	8.5-10	cs2:PMD203		1	
9	CQ2024/4	24CTT4	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N1	T3	6-7.5	cs2:PMD203		1	
10	CQ2024/4	24CTT4	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N2	T3	8.5-10	cs2:PMD203		1	
11	CQ2024/5	24CTT5	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N1	T6	1-2.5	cs2:PMD203		1	
12	CQ2024/5	24CTT5	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N2	T6	3.5-5	cs2:PMD203		1	
13	CQ2024/6	24CTT6	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N1	T6	6-7.5	cs2:PMD203		1	
14	CQ2024/6	24CTT6	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N2	T6	8.5-10	cs2:PMD203		1	
15	TTNT2024	24TNT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMD203		1	
16	TTNT2024	24TNT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMD203		1	

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
17	CNTN2023	23TTNT1TN	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N1	T5	3.5-5	cs2:PMC201		1	
18	CNTN2023	23TTNT1TN	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T5	1-2.5	cs2:PMC201		1	
19	CQ2023/1	23CTT1	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N1	T6	3.5-5	cs2:PMC201		1	
20	CQ2023/1	23CTT1	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T6	1-2.5	cs2:PMC201		1	
21	CQ2023/2	23CTT2	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N1	T2	3.5-5	cs2:PMC201		1	
22	CQ2023/2	23CTT2	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T2	1-2.5	cs2:PMC201		1	
23	CQ2023/3	23CTT3	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N1	T6	8.5-10	cs2:PMC201		1	
24	CQ2023/3	23CTT3	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T6	6-7.5	cs2:PMC201		1	
25	CQ2023/4	23CTT4	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N1	T2	8.5-10	cs2:PMC201		1	
26	CQ2023/4	23CTT4	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T2	6-7.5	cs2:PMC201		1	
27	CQ2023/5	23CTT5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N1	T3	3.5-5	cs2:PMC201		1	
28	CQ2023/5	23CTT5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T3	1-2.5	cs2:PMC201		1	
29	TTNT2023	23TNT	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N1	T5	8.5-10	cs2:PMC201		1	
30	TTNT2023	23TNT	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T5	6-7.5	cs2:PMC201		1	
31	CQ2024/7	24CTT7	CSC10012	Cơ sở lập trình		30	N1	T2	1-2.5	cs2:PMD204		1	
32	CQ2024/7	24CTT7	CSC10012	Cơ sở lập trình		30	N2	T2	3.5-5	cs2:PMD204		1	

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
33	CQ2023/6	23_6	CSC10002	Kỹ thuật lập trình		30	N1	T4	3.5-5	cs2:PMC202		1	
34	CQ2023/6	23_6	CSC10002	Kỹ thuật lập trình		30	N2	T4	1-2.5	cs2:PMC202		1	
35	CQ2023/5	23_5	MTH00053	Lý thuyết số		30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMD203		1	
36	CQ2023/5	23_5	MTH00053	Lý thuyết số		30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMD203		1	
37	CQ2023/6	23_6	CSC10001	Nhập môn lập trình		30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMC201		1	
38	CQ2023/6	23_6	CSC10001	Nhập môn lập trình		30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMC201		1	
39	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T5	1-2.5	cs2:PMC202		1	
40	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N2	T5	3.5-5	cs2:PMC202		1	
41	CQ2023/1	23CTT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T6	1-2.5	cs2:PMC202		1	
42	CQ2023/1	23CTT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N2	T6	3.5-5	cs2:PMC202		1	
43	CQ2023/2	23CTT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T2	1-2.5	cs2:PMC202		1	
44	CQ2023/2	23CTT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N2	T2	3.5-5	cs2:PMC202		1	
45	CQ2023/3	23CTT3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T6	6-7.5	cs2:PMC202		1	
46	CQ2023/3	23CTT3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N2	T6	8.5-10	cs2:PMC202		1	
47	CQ2023/4	23CTT4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMC202		1	
48	CQ2023/4	23CTT4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N2	T2	8.5-10	cs2:PMC202		1	

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
49	CQ2023/5	23CTT5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T3	1-2.5	cs2:PMC202		1	
50	CQ2023/5	23CTT5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N2	T3	3.5-5	cs2:PMC202		1	
51	TTNT2023	23TNT	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMC202		1	
52	TTNT2023	23TNT	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMC202		1	
53	CQ2023/3	23_3	MTH00052	Phương pháp tính		30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMD203		1	
54	CQ2023/3	23_3	MTH00052	Phương pháp tính		30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMD203		1	
55	CQ2023/4	23_4	MTH00052	Phương pháp tính		30	N1	T5	1-2.5	cs2:PMD203		1	
56	CQ2023/4	23_4	MTH00052	Phương pháp tính		30	N2	T5	3.5-5	cs2:PMD203		1	

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ NGUYỄN VĂN CÙ
CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 18/05/2025

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỜNG NHÓM GVHĐTH	SỐ SV dự kiến	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3
1	CNTN2022	22TN	CSC13008	Phát triển ứng dụng web		30	2			
2	CNTN2022	22TN	CSC13010	Thiết kế phần mềm		30	2			
3	CNTN2022	22TN	CSC14004	Khai thác dữ liệu và ứng dụng		30	2			
4	CNTN2022	22TN	CSC14007	Nhập môn phân tích độ phức tạp thuật toán		30	2			
5	CNTN2022	22TN	CSC15003	Mã hóa ứng dụng		30	2			
6	CNTN2022	22TN	CSC15004	Học thống kê		30	2			
7	CNTN2022	22TN	CSC15107	Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư		30	2			
8	CNTN2022	22TN	CSC16004	Thị giác máy tính		30	2			
9	CNTN2024	24TNT1TN	CSC10121	Kỹ năng mềm		44	2			

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVVHĐTH	SỐ SV dự kiến	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3	GV HĐTH N4	GV HĐTH N5	GV HĐTH N6	GHI CHÚ
1	CNTN2023	23TTNT1TN	CSC14008	Phương pháp nghiên cứu khoa học		42	2							
2	CNTN2023	23TTNT1TN	MTH00051	Toán ứng dụng và thống kê		42	2							
3	CQ2021/1	21_1	CSC10108	Thực quan hóa dữ liệu		50	3							
4	CQ2021/1	21_1	CSC12103	Chuyên đề Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao		50	3							
5	CQ2021/1	21_1	CSC12108	Ứng dụng phân tán		60	3							
6	CQ2021/1	21_1	CSC12111	Quản trị cơ sở dữ liệu hiện đại		60	3							
7	CQ2021/1	21_1	CSC17101	Hệ thống tư vấn		60	3							
8	CQ2021/21	21_21	CSC14002	Các hệ cơ sở tri thức		30	2							
9	CQ2021/21	21_21	CSC14101	Ẩn dữ liệu và chia sẻ thông tin		30	2							
10	CQ2021/21	21_21	CSC14105	Khoa học về web		30	2							
11	CQ2021/21	21_21	CSC14113	Trình biên dịch		30	2							
12	CQ2021/21	21_21	CSC14115	Khoa học dữ liệu ứng dụng		30	2							
13	CQ2021/21	21_21	CSC14116	Lập trình song song ứng dụng		30	2							
14	CQ2021/22	21_22	CSC15106	Seminar Công nghệ tri thức		30	2							
15	CQ2021/23	21_23	CSC16105	Truy vấn thông tin thị giác		30	2							
16	CQ2021/23	21_23	CSC16110	Chuyên đề Đồ họa máy tính		30	2							
17	CQ2021/23	21_23	CSC16111	Chuyên đề Thị giác máy tính		30	2							
18	CQ2021/23	21_23	CSC16112	Chuyên đề Xử lý ảnh số và video số		30	2							
19	CQ2021/3	21_3	CSC13101	Các chủ đề nâng cao trong Công nghệ phần mềm		30	2							
20	CQ2021/3	21_3	CSC13106	Kiến trúc phần mềm		70	4							
21	CQ2021/3	21_3	CSC13114	Phát triển ứng dụng web nâng cao		70	4							
22	CQ2021/3	21_3	CSC13115	Các công nghệ mới trong phát triển phần mềm		70	4							
23	CQ2021/3	21_3	CSC13116	Đồ án Công nghệ phần mềm		70	4							
24	CQ2021/4	21_4	CSC11107	Truyền thông kỹ thuật số		30	2							
25	CQ2021/4	21_4	CSC11111	Chuyên đề tốt nghiệp Mạng máy tính		30	2							
26	CQ2021/4	21_4	CSC11113	Quản trị dịch vụ mạng		30	2							
27	CQ2022/1	22_1	CSC12001	An toàn và bảo mật dữ liệu trong hệ thống thông tin		70	4							
28	CQ2022/1	22_1	CSC12004	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin		70	4							
29	CQ2022/1	22_1	CSC12105	Thương mại điện tử		40	2							
30	CQ2022/1	22_1	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo		70	4							

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVVHĐTH	SỐ SV dự kiến	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3	GV HĐTH N4	GV HĐTH N5	GV HĐTH N6	GHI CHÚ
31	CQ2022/1	22_1	CSC17106	Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến		70	4							
32	CQ2022/21	22_21	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm		70	4							
33	CQ2022/21	22_21	CSC14001	Automata và ngôn ngữ hình thức		30	2							
34	CQ2022/21	22_21	CSC14004	Khai thác dữ liệu và ứng dụng		60	3							
35	CQ2022/21	22_21	CSC14005	Nhập môn học máy		70	4							
36	CQ2022/21	22_21	CSC14006	Nhận dạng		40	2							
37	CQ2022/21	22_21	CSC14008	Phương pháp nghiên cứu khoa học		40	2							
38	CQ2022/21	22_21	CSC14118	Nhập môn dữ liệu lớn		70	4							
39	CQ2022/22	22_22	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm		70	4							
40	CQ2022/22	22_22	CSC15002	Bảo mật cơ sở dữ liệu		60	3							
41	CQ2022/22	22_22	CSC15003	Mã hóa ứng dụng		60	3							
42	CQ2022/22	22_22	CSC15004	Học thống kê		60	3							
43	CQ2022/22	22_22	CSC15007	Thống kê máy tính và ứng dụng		70	4							
44	CQ2022/22	22_22	CSC15012	Ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong doanh nghiệp		40	2							
45	CQ2022/22	22_22	CSC15105	Khai thác dữ liệu văn bản và ứng dụng		30	2							
46	CQ2022/22	22_22	CSC15107	Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư		30	2							
47	CQ2022/22	22_22	CSC15108	Pháp chứng cho dữ liệu số		30	2							
48	CQ2022/23	22_23	CSC16003	Phân tích thống kê dữ liệu nhiều biến		30	2							
49	CQ2022/23	22_23	CSC16004	Thị giác máy tính		60	3							
50	CQ2022/23	22_23	CSC16101	Đồ họa ứng dụng		30	2							
51	CQ2022/23	22_23	CSC16109	Ứng dụng xử lý ảnh số và video số		30	2							
52	CQ2022/24	22_24	CSC10108	Thực quan hóa dữ liệu		70	4							
53	CQ2022/24	22_24	CSC14004	Khai thác dữ liệu và ứng dụng		60	3							
54	CQ2022/24	22_24	CSC14005	Nhập môn học máy		60	3							
55	CQ2022/24	22_24	CSC17001	Phân tích dữ liệu thông minh		70	4							
56	CQ2022/3	22_3	CSC13005	Phân tích và quản lý yêu cầu phần mềm		60	3							
57	CQ2022/3	22_3	CSC13010	Thiết kế phần mềm		60	3							
58	CQ2022/3	22_3	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo		60	3							
59	CQ2022/31	22_31	CSC13005	Phân tích và quản lý yêu cầu phần mềm		60	3							
60	CQ2022/31	22_31	CSC13010	Thiết kế phần mềm		60	3							
61	CQ2022/4	22_4	CSC11002	Hệ thống viễn thông		30	2							
62	CQ2022/4	22_4	CSC11003	Lập trình mạng		30	2							
63	CQ2022/4	22_4	CSC11006	Nhập môn điện toán đám mây		30	2							
64	CQ2022/4	22_4	CSC11007	Nhập môn DevOps		30	2							

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHDT	SỐ SV dự kiến	SỐ GV HDT	GV HDT N1	GV HDT N2	GV HDT N3	GV HDT N4	GV HDT N5	GV HDT N6	GHI CHÚ
65	CQ2022/5	22_5	CSC10007	Hệ điều hành		70	4							
66	CQ2022/5	22_5	CSC10102	Kiến tập nghề nghiệp		120	6							
67	CQ2022/5	22_5	CSC10104	Quy hoạch tuyến tính		70	4							
68	CQ2023/1	23_1	MTH00051	Toán ứng dụng và thống kê		70	4							
69	CQ2023/2	23_2	MTH00051	Toán ứng dụng và thống kê		70	4							
70	CQ2023/6	23CTT6	CSC10008	Mạng máy tính		70	4							
71	CQ2023/6	23_6	CSC13102	Lập trình ứng dụng Java		60	3							
72	TNTN2023	23TNT1	MTH00056	Phương pháp toán cho trí tuệ nhân tạo		53	3							
73	TTNT2021	21TNT	CSC18102	Phương pháp toán cho tối ưu		30	2							
74	TTNT2021	21TNT	CSC18103	Trí tuệ bầy đàn		30	2							
75	TTNT2021	21TNT	CSC18104	Nhập môn hệ thống đa tác nhân		30	2							
76	TTNT2022	22TNT1	CSC10011	Công nghệ phần mềm cho hệ thống trí tuệ nhân tạo		40	2							